

Số: 18/2025/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 17 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định các mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với
các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 4314/TTr-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định các mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị) bao gồm các mức chi quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 40/2017/TT-BTC và khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC; Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối với chế độ công tác phí

Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khi tham gia hoạt động của Hội đồng nhân dân.

b) Đối với chế độ chi hội nghị

Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề; hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác do các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức được quy định tại Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước; Kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân và cuộc họp các Ban của Hội đồng nhân dân.

Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Các hội nghị chuyên môn, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ hoặc các hội nghị được tổ chức theo quy định trong điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Điều 2. Mức chi công tác phí

1. Thanh toán tiền chi phí đi lại

a) Thanh toán theo hóa đơn thực tế: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC và khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC. Trường hợp do yêu cầu công tác đột xuất nhưng không mua được các hạng vé phổ thông, các cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,25 được mua vé máy bay hạng thương gia (Business class hoặc C class).

b) Thanh toán khoản tiền tự túc phương tiện đi lại

Đối với cán bộ, công chức, viên chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và từ 15 km trở lên (đối với các xã còn lại) mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoản tiền tự túc phương tiện bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Phụ cấp lưu trú

a) Trường hợp đi công tác ở đất liền: Nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và từ 15 km trở lên (đối với các xã còn lại) được hưởng mức phụ cấp lưu trú: 240.000 đồng/ngày.

b) Trường hợp đi công tác trong ngày (đi và về trong ngày), thủ trưởng cơ quan, đơn vị, quyết định mức phụ cấp lưu trú theo các tiêu chí: Số giờ thực tế đi công tác trong ngày (bao gồm cả thời gian đi trên đường), quãng đường đi công tác nhưng

mức chi không quá 150.000 đồng/ngày/người và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

c) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì được hưởng mức phụ cấp lưu trú: 320.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo (áp dụng cho cả những ngày làm việc trên biển, đảo, những ngày đi, về trên biển, đảo).

3. Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

a) Thanh toán theo hình thức khoán

Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 1,25 trở lên: 1.280.000 đồng/ngày/người, không phân biệt nơi đến công tác.

Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,20: Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 640.000 đồng/ngày/người; đi công tác tại các tỉnh (bao gồm cả đi công tác trong tỉnh): 480.000 đồng/ngày/người.

Các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại: Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 480.000 đồng/ngày/người; đi công tác tại các tỉnh (bao gồm cả đi công tác trong tỉnh): 400.000 đồng/ngày/người.

b) Thanh toán theo hóa đơn thực tế

Trong trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán tại khoản 2 Điều này thì được thanh toán theo giá thuê phòng thực tế (có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật) do thủ trưởng cơ quan, đơn vị duyệt theo tiêu chuẩn thuê phòng như sau:

Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 1,25 đến 1,30: Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 1.600.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng; đi công tác tại các tỉnh (bao gồm cả đi công tác trong tỉnh): 1.440.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,20: Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 1.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng; đi công tác tại các tỉnh (bao gồm cả đi công tác trong tỉnh): 700.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

Các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại: Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 1.120.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn hai người/một phòng; đi công tác tại các tỉnh (bao gồm cả đi công tác trong tỉnh): 880.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn hai người/một phòng. Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẻ người hoặc lẻ người khác giới, thì được thuê phòng riêng theo mức giá thuê phòng thực tế nhưng tối đa không được vượt mức tiền thuê phòng của những người đi cùng đoàn (theo tiêu chuẩn 2 người/phòng).

4. Thanh toán khoán tiền công tác phí theo tháng

Đối với cán bộ cấp xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng thì được thanh toán khoán tiền hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe theo mức tối đa 700.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Điều 3. Mức chi tổ chức hội nghị

1. Mức chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên; chi cho người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị

a) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương: 2.000.000 đồng/người/buổi (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học).

b) Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Phó Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các chức danh tương đương; giáo sư; chuyên gia cao cấp: 1.600.000 đồng/người/buổi (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học).

c) Giảng viên, báo cáo viên là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Vụ trưởng và Phó vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và phó viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; Phó giáo sư; Tiến sỹ; giảng viên chính: 1.280.000 đồng/người/buổi (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học).

d) Giảng viên, báo cáo viên còn lại là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương và cấp tỉnh (ngoài 3 đối tượng nêu trên): 1.024.000 đồng/người/buổi (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học).

e) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị cấp xã và các đối tượng khác: 820.000 đồng/người/buổi (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học).

2. Chi giải khát giữa giờ mức 40.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/đại biểu.

3. Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán như sau:

a) Cuộc họp do các đơn vị cấp tỉnh tổ chức tại các thành phố trực thuộc trung ương: 240.000 đồng/ngày/người.

b) Cuộc họp do các đơn vị cấp tỉnh tổ chức trên địa bàn tỉnh và tổ chức tại các tỉnh: 200.000 đồng/ngày/người.

c) Cuộc họp do các xã, phường tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức): 150.000 đồng/ngày/người.

4. Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ, hỗ trợ tiền phương tiện đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp

a) Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ: thanh toán hình thức khoán hoặc thanh toán hóa đơn thực tế theo mức chi quy định tại Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Chi hỗ trợ tiền phương tiện đi lại: thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2025.

2. Nghị quyết này thay thế các nghị quyết sau đây:

a) Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình ban hành quy định mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Hoà Bình.

b) Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Quy định mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý.

c) Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc quy định một số mức chi công tác phí, chi tổ chức các cuộc hội nghị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XIX, Kỳ họp chuyên đề thứ Hai thông qua ngày 17 tháng 9 năm 2025./.

CHỦ TỊCH
Bùi Văn Quang